**BÁO CÁO THUYẾT MINH**

**CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG VÀ VẬT NUÔI**

**I. ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP**

**1. Căn cứ xây dựng đơn giá**

**a**) Về định mức kinh tế kỹ thuật

- Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND, ngày 08/9/2021 quy định định mức kinh tế- kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 39/2022/QĐ-UBDN, ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương, Quy trình kỹ thuật cây chủ lực thích ứng với biến bổi khí hậu (Kèm theo Công văn số 105/TT-CCN ngày 26/01/2022 của Cục Trồng trọt),…

b) Giá vật tư nông nghiệp: Áp dụng theo Báo giá của Sở Tài chính, tham khảo các thông tin trên mạng, cửa hàng, đại lý;

c) Năng suất cây trồng: Áp dụng theo số liệu Niên giám thống kê, các loại cây trồng không có trong niên giám thống kê tham khảo tài liệu kỹ thuật; khảo sát thực tế các huyện, thành phố đang triển khai thực hiện.

d) Công lao động: Tính bằng mức lương tối thiểu vùng/22 ngày làm việc.

***2. Đơn giá bồi thường cây hàng năm, cây lâu năm thu hoạch một lần*** Áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 77/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phương pháp điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc hàng hóa các vụ sản xuất trong năm. Xác định giá thành sản xuất các loại cây trồng (Ztt)

|  |  |
| --- | --- |
| (Ztt) = | TCtt |
| W |

Trong đó: - Ztt là Giá thành thực tế một kg sản phẩm cây trồng (đồng/kg);

- TCtt là Tổng chi phí sản xuất thực tế trên một ha (đồng/ha);

- W là Năng suất thực tế thu hoạch (kg/ha).

Căn cứ vào công thức tính trên, xác định giá thành sản xuất các loại cây trồng bình quân trong điều kiện sản xuất bình thường, không có thiên tai, dịch bệnh. Trên cơ sở giá thành sản xuất và năng suất trung bình của từng loại cây trồng, sẽ tính được mức bồi thường trên một đơn vị diện tích, như sau:

Mức bồi thường = Đơn giá bồi thường (Giá thành sản xuất) X Năng suất

***3. Đơn giá bồi thường cây lâu năm trong thời kỳ kiến thiết cơ bản, cây lâu năm loại thu hoạch một lần*** thì giá trị thiệt hại của vườn cây là toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu và chi phí chăm sóc đến thời điểm thu hồi đất.

***4. Đơn giá bồi thường cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần:*** Đơn giá bồi thường được tính theo giá trị lợi nhuận thu được của một đơn vị sản phẩm. Giá trị lợi nhuận thu được của một đơn vị sản phẩm được tính bằng giá bán của sản phẩm (theo giá thị trường: đồng/kg) trừ đi giá thành sản xuất (được tính bằng toàn bộ chi phí sản xuất thời kỳ kinh doanh chia cho năng suất trung bình).

**Ví dụ:** Để sản xuất được 01 kg bưởi người dân phải đầu tư 4.762 đồng (được tính bằng toàn bộ chi phí đầu tư thời kỳ kinh doanh/năng suất trung bình= 41.417.304/8.698=4.762 đồng/kg quả). Với giá bán trung bình 01 kg bưởi tại vườn hiện nay trên thị trường khoảng 10.000 đồng/kg.

Lợi nhuận thu được của một đơn vị sản phẩm = 10.000 đồng/kg - 4.762 đồng/kg = 5.283 đồng/kg.

**Mức bồi thường = Sản lượng x số năm còn lại chưa cho thu hoạch x đơn giá**

**II. ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

**1. Đối với cây rừng trồng**

***1.1. Cơ sở pháp lý:***

***-*** Dự thảo đơn giá bồi thường đối với cây trồng lâm nghiệp được tính theo giá trị thiệt hại thực tế của cây trồng trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp;

- Tiêu chuẩn cây giống, mật độ trồng... được áp dụng theo các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn ngành về giống cây trồng lâm nghiệp và các hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loài cây lâm nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ sở giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học hợp pháp.

***1.2. Phương pháp xác định đơn giá***

***a) Số lượng loài cây và gộp nhóm gỗ:***

- Số lượng loài cây: Cây lấy gỗ có nhiều loài, theo kết quả điều tra lập danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh, số lượng loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh khoảng 30 loài.

- Gộp nhóm gỗ: Kế thừa Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND, dự thảo đơn giá được xây dựng theo hướng gộp thành các nhóm loài cây tương đồng trên cơ sở phân loại gỗ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12619-2:2019 và Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp, kết quả gộp nhóm gỗ như sau:

(1) Cây lấy gỗ thuộc Nhóm quý hiếm, nhóm I (Bách xanh, Gù hương, Lát hoa, Lim xanh, Muồng đen, Sưa...).

(2) Cây lấy gỗ thuộc Nhóm II, nhóm III (Thông ba lá, Thông đuôi ngựa, Thông nhựa, Giổi xanh, Long não, Tếch, Xoan đào...).

(3) Cây lấy lỗ thuộc từ Nhóm IV trở lên (Các loài Bạch đàn, Các loài Keo, Bồ đề, Hông, Mỡ, Re gừng, Sa mộc, Sấu, Tống quá sủ, Trám đen, Trám trắng, Trẩu, Vối thuốc, Xoan ta,...).

***b) Xác định đơn giá:*** Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với các nhóm cây lấy gỗ được xác định thông qua 2 phương pháp, cụ thể:

*\* Phương pháp 1: Xác định theo giá trị đầu tư:*

- Định mức kinh tế - kỹ thuật: Theo Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT.

- Mật độ: Là mật độ bình quân của các loài cây trong nhóm. Mật độ của từng loài cây theo tiêu chuẩn, kỹ thuật, tài liệu nghiên cứu đã được công bố.

- Đơn giá cây giống: Là đơn giá cây giống bình quân của các loài cây trong nhóm. Đơn giá cây giống của từng loài cây được xác định thông qua báo giá gần nhất của Sở Tài chính hoặc theo bình quân giá theo thông báo giá của các cơ sở sản xuất cây giống.

Đối với cây giống gieo ươm tại tỉnh, giá cây giống bằng giá bình quân của cây giống đó theo báo giá của Sở Tài chính và các cơ sở sản xuất cây giống nội tỉnh; đối với cây giống không có tại tỉnh, giá cây giống bằng giá bình quân của cây giống đó theo báo giá của các cơ sở sản xuất cây giống ngoại tỉnh cộng chi phí logistics bình quân trong nước (16,8%).

- Giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...: Theo Báo giá gần nhất của Sở Tài chính và tham khảo giá tại các cửa hàng, đại lý nội tỉnh.

- Công lao động: Theo hệ số lương quy định tại Phụ lục I Thông tư 21/2023/TT-BNNPTNT, áp dụng mức lương cơ sở 2.340.000 đồng và 26 ngày làm việc/tháng. Cụ thể: Lao động trực tiếp 284.000 đồng, lao động gián tiếp 437.000 đồng.

- Mỗi nhóm sẽ có chung một đơn giá, đơn giá được xác định là bình quân giá trị đầu tư của các loài cây trong nhóm; chia thành 4 mức theo tuổi cây (Năm 1, năm 2, năm 3, từ năm thứ 4 trở đi), đơn giá tuổi cây từ năm thứ 4 trở đi là giá trị bình quân của giá trị đầu tư từ năm thứ 4 đến năm thứ 10.

*\* Phương pháp 2: Xác định theo giá trị gỗ:*

Đối với cây gỗ có chu vi (vanh) ở vị trí 1,3m của cây tính từ gốc từ 19cm trở lên thì bồi thường theo giá trị gỗ cây đứng thực tế tại thời điểm bồi thường. Trường hợp giá trị gỗ cây đứng nhỏ hơn giá trị đầu tư thì bồi thường theo giá trị đầu tư.

Giá trị gỗ cây đứng = Khối lượng gỗ cây đứng x Giá gỗ thị trường tương ứng tại thời điểm bồi thường.

Khối lượng gỗ cây đứng (m3) = Chu vi (m) x Chu vi (m) x Chiều cao vút ngọn (m) x 0,0398.

Trong đó:

Chu vi: Được đo tại vị trí 1,3m của cây.

Chiều cao vút ngọn: Là chiều dài toàn cây đo từ gốc đến ngọn.

**2. Đối với cây rừng tự nhiên**

***a) Cơ sở pháp lý:*** Bồi thường theo giá trị thiệt hại thực tế của diện tích rừng tự nhiên. Giá trị thiệt hại được xác định theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Luật Lâm nghiệp năm 2017;

***b) Phương pháp xác định giá:*** Giá trị bồi thường được tính bằng giá rừng tự nhiên.

Phương pháp định giá rừng tự nhiên thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng và Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

**3. Đối với một số loài cây khác**

Đối với một số loài cây thuộc nhóm khác như: Cây ăn quả (cây Sơn tra, cây Mắc ca), cây công nghiệp (cây Cao su), cây dược liệu (cây Quế) đơn giá bồi thường được xác định như sau:

a) Cây trong giai đoạn đầu tư, đơn giá bồi thường được xác định theo giá trị đầu tư;

b) Cây đang trong thời kỳ thu hoạch:

- Cây Sơn tra, cây Mắc ca: Áp dụng theo cách tính đơn giá bồi thường cây lâu năm cho thu hoạch nhiều lần đã nêu tại mục 4 Mục I Phụ lục này.

- Cây Cao su: Có chu kỳ kinh doanh 27 năm, trong đó 7 năm đầu là giai đoạn xây dựng cơ bản, 20 năm tiếp theo là giai đoạn khai thác mủ; áp dụng tính khấu hao tài sản cố định đối với cây trồng; mức khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo từng năm, giá trị khấu hao từng năm bằng Giá trị cây của thời điểm có giá trị cao nhất chia cho số năm cần tính khấu hao (10 năm).

- Cây Quế: Tính theo giá trị thực tế thu được của cây Quế gồm: Vỏ cây, lõi gỗ, cành, lá để tính đơn giá; giá thu mua các bộ phận của cây Quế tham khảo giá thị trường tại các tỉnh lân cận (Yên Bái, Lào Cai) và trên mạng internet

**III. ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI ĐỐI VỚI VẬT NUÔI**

**1. Căn cứ xác định**

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình Khuyến ngư.

- Văn bản số 815/KN-CGTBKT ngày 30/8/2013 của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia sửa đồi bổ sung định mức khuyến ngư.

- Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương.

- Căn cứ vào thực tế chi phí sản xuất tại thời điểm xây dựng dự thảo đơn giá về đối tượng là thủy sản và vật nuôi không di chuyển được..

- Căn cứ diễn biến giá thị trường về đối tượng thủy sản nuôi và vật nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu *(từ tháng 6/2023 đến tháng 6/2024).*

**2. Đối với vật nuôi là thủy sản**

a. Đối tượng và trọng lượng các loài thủy sản được bồi thường, hỗ trợ được quy định cụ thể tại Phụ lục số IV. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định diện tích ao, hồ trong ranh giới đất thu hồi thực tế bị thiệt hại để lập phương án bồi thường. (Mức bồi thường 100% giá trị).

- Mức bồi thường được tính như sau:

M = S x GBT. Trong đó:

M: Mức bồi thường.

S: Diện tích thực nuôi bị thu hồi, thiệt hại.

GBT: Giá bồi thường (được quy định tại Phụ lục số IV).

b. Đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định diện tích nuôi thực tế đối với vật nuôi là thủy sản của các chủ sở hữu, hồ sơ chứng minh đủ điều kiện sản xuất của cơ sở, trên cơ sở phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật và thực tế thiệt hại để xác định khối lượng, lập và phê duyệt phương án bồi thường theo quy đinh (Mức bồi thường 100% giá trị).

- Mức bồi thường đối với giống thủy sản được tính như sau:

M = S x GBT. Trong đó:

- M: Mức bồi thường.

- S: Diện tích thực nuôi bị thu hồi, thiệt hại.

- GBT: Giá bồi thường thiệt hại (được quy định tại Phụ lục số IV)

**3. Đối với vật nuôi**

a. Vật nuôi khác là vật nuôi không phải là thủy sản.

b. Vật nuôi khác không thể di chuyển, là:

- Vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch, xuất bán; Chủ sở hữu vật nuôi chuyển sang địa điểm mới nhưng không có hoặc không bố trí được cơ sở vật chất, chuồng trại để tiếp tục nuôi, nhốt vật nuôi nhằm tiếp tục chăn nuôi tới khi xuất bán.

- Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất nhưng khu vực thu hồi đang trong thời gian xảy ra dịch bệnh trên vật nuôi, nếu di chuyển thì sẽ làm lây lan dịch bệnh *(Dịch bệnh thuộc: Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người, Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định của pháp luật).*

- Mức bồi thường được tính như sau:

+ M = GBT x P.. Trong đó:

- M: Mức bồi thường.

- GBT: Giá bồi thường thiệt hại.

- P: là khối lượng thịt hơi vật nuôi.

**4. Mức bồi thường di dời vật nuôi**

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định trọng lượng vật nuôi thực tế thuộc đối tượng được hỗ trợ di dời bằng phương pháp cân từng cá thể để tính trọng lượng.

b) Bồi thường di dời vật nuôi bao gồm bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại vật nuôi do phải di chuyển.

- Bồi thường 100% chi phí cước vận chuyển vật nuôi. Chi phí để di chuyển vật nuôi bao gồm: cước vận chuyển, công bốc xếp, vật tư dụng cụ phục vụ di chuyển.

- Bồi thiệt hại vật nuôi do di chuyển như (vật nuôi bị chết, bị thương, hao hụt sức khỏe, trọng lượng..), mức độ thiệt hại được tính theo tỷ lệ % Giá trị vật nuôi (GTVN) và chi phí khác, như sau:

| **TT** | **Loại vật nuôi** | **Mức thiệt hại do di chuyển** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Thiệt hại vật nuôi do di chuyển** |  | *(do* *chết, gãy xương, xây sát, thui chột…)* |
| 1 | Gia cầm | 10% GTVN |  |
| 2 | Gia súc | 07% GTVN |  |
| 3 | Vật nuôi khác | 03% GTVN |  |
| **II** | **Chi phí khác** | 1.000.000đ/tấn trọng lượng | *Nhân công bốc xếp, Vật tư, dụng cụ phục vụ vận chuyển (lồng, gióng, giá,…)* |

*Lý do: Đề xuất đơn giá trên căn cứ chi phí giá thực tế đối với công lao động bốc sếp, các loại cụ thể như sau:*

| **TT** | **Loại vật nuôi** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Đơn giá chi phí khác đối với di dời** | **Đồng** |  |  | **1.000.000** |  |
| 1 | Nhân công bốc xếp | Công | 2 | 250.000 | 500.000 | LĐ phổ thông |
| 2 | Vật tư, dụng cụ phục vụ vận chuyển (lồng, gióng, giá,…) | Tấn | 1 | 500.000 | 500.000 | TB 500 đồng/kg |

**Ghi chú:** Xác định tỷ lệ thiệt hại dựa trên giá thịt hơi các loại vật nuôi thương phẩm bán trên địa bàn tỉnh trong 12 tháng).

***c) Đơn giá cước vận chuyển:*** tính theo đơn giá thực tế cước vận chuyển hàng hoá, công bố tại thời điểm thu hồi đất.